

Bản tin chứng khoán

Trong số này

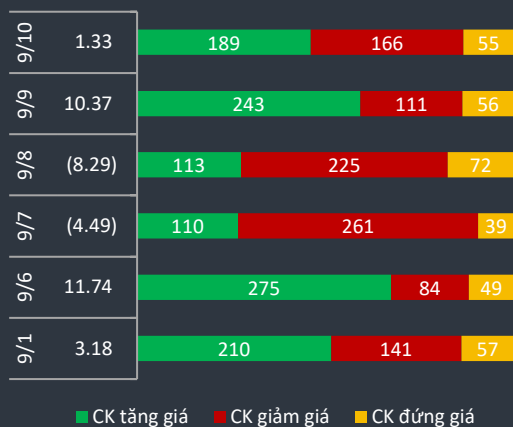
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

CTG		65.29
PNJ		48.01
HPG		42.68
VCI		31.61
VJC		26.07
MBB		20.53
HSG		13.20
FUEVFVND	(35.54)	
HDB	(36.27)	
SSI	(40.43)	
KBC	(41.41)	
VIC	(44.48)	
VNM	(54.98)	
DPM	(60.36)	
(56.59)		

Tiếp nối xu hướng hồi phục trong ngày hôm qua, thị trường mở cửa phiên cuối tuần mở cửa trong sắc xanh lan tỏa đều giữa các dòng cổ phiếu. Buổi sáng chỉ số Index duy trì ở mức xanh trên 5 điểm nhưng động lực vẫn khá yếu và chưa có dòng nào dẫn dắt thị trường. Nhóm cổ phiếu tỏ ra nổi trội nhất là chứng khoán cũng không ổn định và phân hóa mạnh.

Đến phiên chiều thị trường biến động mạnh và rung lắc nhiều hơn. Chỉ số Vnindex tỏ ra thiếu ổn định khi trời sục liên tục. Nhóm VN30 chia đều hai nửa xanh đỏ và nhờ một số blue chip lớn xanh nhẹ làm bệ đỡ thị trường cuối phiên như PNJ, BVH, VRE, VPB, VJC, VNM, SAB.

Nhóm ngân hàng chỉ có khoảng 5 mã xanh điểm trong đó VPB tăng tốt nhất 2%, EIB 1.4%. Những bank giảm cũng không quá đáng kể và trung bình dưới -1% như STB, MBB, VIB, LPB, TPB. OCB trong ngày có thời điểm tăng khá tốt lên 23.3 tuy nhiên đóng cửa lại giảm nhẹ về 22.8 (-0.7%). Thanh khoản OCB trong ngày đạt khoảng 1.13 triệu cổ phiếu. So với cuối tuần trước giá OCB hầu như không thay đổi và vẫn tích lũy quanh ngưỡng hỗ trợ 23. Thanh khoản OCB trong 2 tuần gần đây giảm khá mạnh chỉ còn quanh 1.2 triệu cổ phiếu mỗi phiên so với mức trung bình trên 3 triệu giai đoạn tháng 7-8.

Một vài nhóm ngành quan trọng đảo chiều trong ngày như nhóm thép. Sau khi giao dịch hưng phấn trong hai phiên trước, nhiều cổ phiếu ngành thép hiện đang chịu áp lực điều chỉnh như HPG, HSG, NKG, POM, TLH, SMC. Bên cạnh đó, một số nhóm ngành giao dịch dưới ngưỡng tham chiếu như hóa chất, bán lẻ, cao su, y tế.

Một số cổ phiếu đáng chú ý trong ngày như sự trở lại của LTG với mức tăng gần 7%, DGW cũng vượt giá 100 lên 102 – tăng 6.6%. Nhóm hàng không HVN, VJC tiếp tục xanh hơn 4%. BMC, PHR, SZC, CSV cũng giao dịch nổi bật trong ngày.

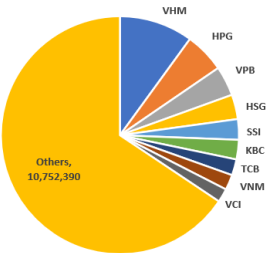
Vnindex 1,345.31
▲ +1.33 (+0.1%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
HVN	25.1	1,100	4.59
PNJ	94.0	3,500	3.87
VRE	28.0	550	2.00
BVH	56.0	1,100	2.00
VPB	64.6	1,200	1.89
SAB	151.4	2,600	1.75
VNM	86.5	1,300	1.53
VJC	129.8	800	0.62
FPT	93.5	300	0.32
NVL	103.3	100	0.10
MWG	118.9	-	-
GAS	88.6	-	-
POW	12.1	-	-
TCB	49.3	-	-
VIC	91.3	-	-
VCB	99.2	(100)	(0.10)
PDR	82.3	(100)	(0.12)
REE	65.9	(100)	(0.15)
VHM	107.5	(200)	(0.19)
PLX	50.5	(100)	(0.20)
CTG	32.3	(100)	(0.31)
SSI	43.8	(150)	(0.34)
BID	39.7	(150)	(0.38)
ACB	32.3	(150)	(0.46)
BCM	48.4	(250)	(0.51)
STB	27.2	(150)	(0.55)
DHG	100.2	(700)	(0.69)
MBB	28.2	(200)	(0.70)
MSN	130.0	(1,000)	(0.76)
HPG	51.5	(400)	(0.77)
VIB	36.3	(300)	(0.82)
TPB	37.4	(400)	(1.06)
GVR	39.3	(650)	(1.63)
HDB	25.9	(500)	(1.89)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Thị trường cuối tuần đóng cửa tăng nhẹ 1.3 điểm và chỉ số Vnindex chốt tại 1345 – tăng khoảng 11 điểm so với phiên cuối trước nghỉ lễ. Thanh khoản sau kỳ nghỉ lễ có bùng lên vài phiên nhưng sau đó lại sụt xuống. Như phiên hôm nay sàn HOSE chỉ đạt hơn 19 ngàn tỷ một chút. Thị trường đang dao động theo phương ngang và chưa rõ xu hướng nhưng vẫn trụ khá vững trên vùng hỗ trợ 1300. Thị trường có thể giảm co một thời gian nhưng về dài hạn sẽ tích cực trở lại. Hiện nay nhà đầu tư nên đặt trọng tâm ưu tiên đầu tư vào doanh nghiệp thay vì theo dõi sát sao thị trường. Những doanh nghiệp nào vừa qua có thể sống tốt qua đại dịch sẽ có sự bức phá rất nhanh giai đoạn hậu sau đó.

Các nhà đầu tư ngắn hạn vẫn ưu tiên nắm giữ cổ phiếu thuộc các nhóm ngành chứng khoán, thép, bán lẻ, khu công nghiệp, phân bón. Một số cổ phiếu đại diện như HPG, HSG, NKG, TLH, OCB, VCI, SSI, VND, DGW, GVR, KBC, SZC, DPM, DCM ưu tiên tiếp tục nắm giữ trong giai đoạn hiện tại.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	65.9	(0.9)	50	65	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 54	7/12/2021	29.2%
GVR	39.3	(2.0)	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	33.7%
HCM	55.2	0.5	44	60	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 60	7/12/2021	22.7%
VCI	64.0	6.3	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 55-57	7/12/2021	30.6%
SSI	43.8	4.5	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	32.7%
MBB	28.2	1.1	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-2.8%
OCB	22.8	0.9	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	-0.9%
HPG	51.5	4.7	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	14.4%
STB	27.2	-	27	35	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 27	7/12/2021	-2.9%
KBC	43.0	1.2	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	10.3%
DGW	102.0	19.6	120	170	Nắm giữ	3/3/2021	104.0%
MWG	118.9	7.9	130	190	Nắm giữ	2/3/2021	39.9%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

VOS	6.89
VSC	6.90
VSC	6.90
OGC	6.94
QBS	6.95
AST	6.95
TGG	6.95
LGL	6.96
SFG	6.96
SJF	6.96
VPH	6.96
TCO	6.98
VIP	7.00
TDG	7.00
CLG	10.00
ATG	10.53
HVG	14.29

Top tăng giá HNX

VSM	9.66
PGT	9.73
API	9.74
SMT	9.75
GKM	9.77
TC6	9.80
VNR	9.85
BII	10.00
FID	10.00
VIG	10.00
AMC	10.00
CAG	10.00
VE9	12.00
NHP	12.50
SGO	12.50
ASA	13.16
MPT	14.29
SPP	14.29
DPS	14.29
QNC	14.29
KHB	14.58
PVX	15.00
HVA	15.00

VHM - CTCP Vinhomes - Ngày 15/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 16/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 01/10/2021.

Cổ tức bằng cổ phiếu trả theo tỷ lệ 1.000:300 (cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu được nhận 300 cổ phiếu mới), tương đương VHM sẽ phát hành thêm hơn 1 tỷ cổ phiếu mới trong đợt này.

TCO - Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải - Trình phương án phát hành hơn 6,8 triệu cổ phiếu tăng vốn điều lệ, với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là hơn 68,5 tỷ đồng. Căn cứ vào ngày chốt danh sách phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 1 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 1 quyền nhận cổ phiếu, cứ 100 quyền sẽ được nhận thêm 41 cổ phiếu.

Đồng thời, doanh nghiệp còn chào bán hơn 25,5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán 11.000 đồng/cổ phiếu. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đợt phát hành riêng lẻ cho kế hoạch đầu tư mua cổ phiếu Công ty cổ phần Gavi.

TN1 - Đã thông qua việc phát hành 714.000 cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu của CTCP Tư vấn quản lý dự án xây dựng TNP. Thời gian thực hiện trong quý III-IV/2021.

FCN - CTCP Fecon – Đã thông qua việc phát hành 32 triệu cổ phiếu riêng lẻ, với giá chào bán 13.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2021.

CTD - CTCP Cotecons - Ngày 8/9, HĐQT đã thông qua việc trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 23/9/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 20/10/2021.

BTP - CTCP Nhiệt điện Bà Rịa - Ngày 17/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 20/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 11%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/10/2021.

VND - CTCP Chứng khoán VNDirect – Đã thông qua phương án phát hành 20 triệu trái phiếu không chuyển đổi, giá phát hành bằng mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn tối đa 36 tháng. Thời gian thực hiện trong năm 2021 và 2022, chia làm 02 đợt.

ARM - CTCP Xuất nhập khẩu hàng không - Ngày 21/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 22/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5,5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 22/10/2021.

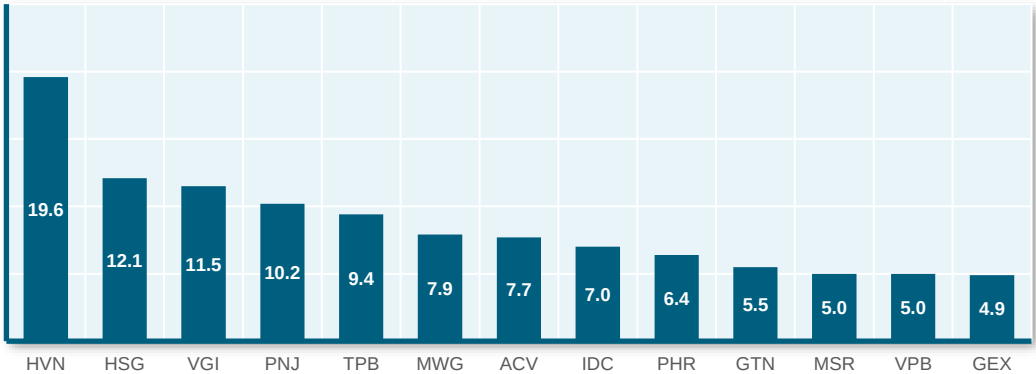


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	64.6	10,239,100	12.8	2.6	-	600	159,546	19.05	5,056	24,447
VIB	HOSE	36.3	727,600	6.4	2.7	4,100	-	56,379	20.50	5,638	13,552
VCB	UPCOM	99.2	857,800	17.9	3.5	596,300	508,700	367,921	23.59	5,532	28,293
VBB	HNX	17.0	19,851	20.5	1.5	-	-	8,121	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.3	187,597	14.5	1.3	-	-	7,698	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	37.4	7,832,100	8.2	2.0	-	-	40,081	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	49.3	7,222,000	10.7	2.1	-	-	172,792	22.49	4,614	23,938
STB	UPCOM	27.2	10,699,600	14.2	1.6	560,700	346,300	51,278	16.08	1,922	16,846
SSB	HOSE	36.0	2,791,000	20.9	2.9	2,500	-	48,330	0.01	1,723	12,310
SHB	HOSE	26.3	11,746,156	12.0	1.9	900	-	50,642	3.97	2,183	14,014
SGB	HNX	17.3	41,550	-	1.4	-	-	5,328	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	23.1	257,699	31.3	1.7	-	-	6,930	15.00	739	13,529
OCB	HNX	22.8	1,138,700	6.0	1.3	1,100	300	31,233	21.97	3,799	17,827
NVB	HOSE	34.7	276,504	169.3	3.2	-	-	14,116	8.57	205	10,726
NAB	HOSE	19.9	141,101	5.9	1.2	-	2,800	9,083	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	29.0	3,682,600	8.8	1.7	3,210,000	3,210,000	34,075	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.2	8,476,400	7.2	1.4	1,168,200	442,400	106,549	22.65	3,897	19,986
LPB	HOSE	23.1	5,163,100	8.9	1.6	10,200	47,500	27,803	3.60	2,591	14,466
KLB	HOSE	22.0	124,601	10.8	1.6	-	-	7,038	-	2,035	14,117
HDB	HOSE	25.9	2,605,000	6.7	1.5	55,600	1,449,800	51,598	18.38	3,854	17,399
EIB	HOSE	25.8	536,400	29.5	1.8	-	10,000	31,719	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	32.3	6,653,200	7.4	1.3	2,023,000	12,800	155,226	24.60	4,394	25,028
BVB	HOSE	20.0	1,741,659	17.3	1.6	600	-	7,342	0.05	1,157	12,737
BID	HOSE	39.7	793,800	15.8	1.9	2,700	2,500	159,473	16.65	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.0	175,305	23.2	1.8	-	-	15,587	-	950	12,242
ACB	HOSE	32.3	4,101,100	7.0	2.2	-	-	87,273	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	20.7	1,618,521	7.4	1.2	-	-	11,826	30.00	2,801	16,671
			89,850,044	19.25	1.87	7,635,900	6,033,700	1,724,985		2,766	16,602



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	43,800	14,811,293	28,685,248	2,647.4	16.5	2.47	17,724
VCI	UPCOM	64,000	5,328,353	21,312,000	3,445.7	18.6	2.16	29,655
HCM	HNX	55,200	6,008,593	16,838,310	3,099.8	17.8	3.54	15,612
VND	UPCOM	53,700	9,496,072	23,038,859	6,320.1	8.5	2.56	20,939
SHS	UPCOM	40,400	6,979,607	8,373,635	5,431.3	7.4	2.25	17,951
MBS	UPCOM	36,200	3,320,040	9,687,154	1,470.3	24.6	2.75	13,147
FTS	HOSE	59,700	734,986	8,809,663	3,583.0	16.7	3.36	17,751
VIX	HNX	19,600	4,462,803	2,503,292	5,549.5	3.5	1.21	16,190
AGR	HOSE	17,200	3,264,832	3,622,079	1,000.6	17.2	1.76	9,775
BSI	UPCOM	28,100	1,567,030	3,416,136	2,231.6	12.6	2.21	12,711
ORS	HNX	26,900	1,623,898	5,380,000	1,944.6	13.8	2.54	10,574
VDS	HOSE	33,000	1,093,102	3,468,454	3,856.6	8.6	2.56	12,884
CTS	HOSE	30,200	1,833,266	3,207,948	2,676.3	11.3	2.18	13,885
TVS	HOSE	37,000	132,593	3,634,701	5,036.9	7.3	2.49	14,852
BVS	UPCOM	34,200	1,007,880	2,469,245	3,242.7	10.5	1.27	26,909
EVS	HOSE	36,600	346,610	2,305,815	3,859.6	9.5	2.58	14,167
SBS	HOSE	16,100	3,985,626	2,039,226	79.4	202.8	9.80	1,643
PHS	HOSE	17,700	1,585	2,477,991	979.4	18.1	1.57	11,291
TVB	HOSE	24,000	1,350,631	2,561,171	2,793.8	8.6	2.06	11,645
ART	HNX	9,600	3,944,586	930,456	31.6	303.7	0.84	11,459
TCI	UPCOM	21,400	389,290	1,059,300	2,671.6	8.0	1.75	12,235
IVS	UPCOM	11,100	120,503	769,785	411.7	27.0	1.13	9,862
BMS	UPCOM	25,600	315,963	1,459,200	4,097.6	6.2	1.97	12,977
APS	HOSE	16,700	2,118,440	651,300	2,387.2	7.0	1.50	11,126
PSI	UPCOM	11,500	293,986	688,175	300.3	38.3	1.09	10,519
AAS	HOSE	17,600	1,815,251	1,408,000	(398.6)		1.56	11,276
WSS	HNX	10,800	241,870	543,240	885.5		1.10	9,859
VFS	UPCOM	12,100	127,666	496,100	1,199.4	10.1	1.08	11,247



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CNG	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021	18/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
4	TMP	HOSE	23/09/2021	24/09/2021	5/10/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 1,230 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	STP	HNX	21/09/2021	22/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	SBH	UPCoM	21/09/2021	22/09/2021	12/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,980 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VPG	HOSE	20/09/2021	21/09/2021	28/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DRI	UPCoM	17/09/2021	20/09/2021	5/10/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	PVP	UPCoM	17/09/2021	20/09/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	DNW	UPCoM	17/09/2021	20/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	BTP	HOSE	17/09/2021	20/09/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	DIH	HNX	17/09/2021	20/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	SZC	HOSE	17/09/2021	20/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	GDT	HOSE	16/09/2021	17/09/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	SPV	UPCoM	15/09/2021	16/09/2021	18/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	C69	HNX	15/09/2021	16/09/2021	30/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VHM	HOSE	15/09/2021	16/09/2021	1/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	VHM	HOSE	15/09/2021	16/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
19	CRE	HOSE	14/09/2021	15/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	CRE	HOSE	14/09/2021	15/09/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:95, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
21	C4G	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	HDW	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 740 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	XLV	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	HMS	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	30/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	DCG	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	HAT	HNX	14/09/2021	15/09/2021	15/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	NTC	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 6,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	CTT	HNX	14/09/2021	15/09/2021	28/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931